

Số: 25 /TCKH-NS

Long Biên, ngày 16 tháng 02 năm 2022

V/v báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021 và phân loại phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2025.

Kính gửi:

- Các phòng, ban, hội, đoàn thể;
- UBND các phường;
- Đơn vị sự nghiệp thuộc Quận;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006, Thông tư số 113/2007/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Thực hiện văn bản số 779/STC-TCHCSN ngày 10/02/2022 của Sở tài chính Hà nội về việc báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021 và phân loại phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2025,

Phòng Tài chính - Kế hoạch đề nghị các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2021 theo một số nội dung như sau:

1. Đối với cơ quan hành chính nhà nước (Các phòng, ban, hội, đoàn thể và UBND các phường) : Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị theo **Mẫu 06** kèm theo Thông tư số 71/2014/TTLT/BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ và Tổng hợp số liệu theo Biểu số 1a-CQHC.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp :

- Đối với đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ : Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị theo **Mẫu số 05** kèm theo Thông tư số 71/2006/TTLT/BTC-BNV ngày 09/8/2006 và Biểu số 02a-ĐVSN kèm theo công văn này.

- Đối với đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ : Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị theo theo Thông tư số 145/2017/ BTC ngày 29/12/2017 và Biểu số 02b-ĐVSN kèm theo công văn này.

Các đơn vị tổng hợp, gửi báo cáo về phòng Tài chính-Kế hoạch **trước ngày 23/02/2022** theo các địa chỉ email sau:

- Khối phường: nguyenhaiha_longbien@hanoi.gov.vn
- Khối trường học: phanthimai_longbien@hanoi.gov.vn
- Khối phòng ban, cơ quan đảng, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp khác: hoangminhngheia_longbien@hanoi.gov.vn

Đây là nội dung quan trọng đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Nội vụ, KBNN (để p/hợp);
- Lưu TCKH (3b).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Thanh Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2021

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020
I	VỀ BIÊN CHẾ		
a	Tổng số biên chế được giao (người)		
	- Biên chế công chức	Người	
	- LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Người	
	- Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)	Người	
b	Số biên chế có mặt (người)		
	- Biên chế công chức	Người	
	- LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Người	
	- Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)	Người	
c	Số biên chế tiết kiệm được (người)		
	- Biên chế công chức	Người	
	- LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Người	
	- Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)	Người	
d	Số đơn vị thực hiện tiết kiệm biên chế trên tổng Số đơn vị thực hiện (đơn vị)		
e	Phân tích nguyên nhân tăng giảm đối với CBCC (người)		
	- Về hưu, nghỉ theo chế độ (người)	Người	
	- Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức (người)	Người	
	- Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ... (người)	Người	
f	Phân tích nguyên nhân tăng giảm (đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã)		
	- Về hưu, nghỉ theo chế độ (người)	Người	
	- Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức (người)	Người	
	- Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ... (người)	Người	
g	Phân tích nguyên nhân tăng giảm (đối với LDHD theo Nghị định 68)		
	Về hưu, nghỉ theo chế độ (người)	Người	
	Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức (người)	Người	
	Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ... (người)	Người	
II	VỀ KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯỢC GIAO (triệu đồng)		
1	Tổng kinh phí quản lý hành chính		
2	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (triệu đồng)		
a	Chi tổng quỹ lương, phụ cấp		
	- Quỹ tiền lương và các khoản đóng góp của biên chế được giao	Triệu đồng	
	- Quỹ tiền lương và các khoản đóng góp của hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Triệu đồng	
	- Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)	Triệu đồng	
b	Chi nghiệp vụ và chi khác		
	Trong đó:		
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	Triệu đồng	
	- Kinh phí nghiệp vụ và chi khác đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Triệu đồng	
3	Số kinh phí tiết kiệm được (triệu đồng)		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020
	Trong đó: số KP tiết kiệm được người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Triệu đồng	
4	Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí (số đơn vị)		
5	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (triệu đồng)		
6	Kinh phí chi quản lý hành chính tiết kiệm tiết kiệm/năm (triệu đồng)		
	Trong đó:		
-	Tiết kiệm chi quỹ lương CBCC, HĐ 68 (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao)	Triệu đồng	
-	Tiết kiệm quỹ phụ cấp người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Triệu đồng	
-	Tiết kiệm các khoản chi khác đối với CBCC, HĐ 68 (ngoài quỹ lương)	Triệu đồng	
-	Tiết kiệm chi khác (ngoài quỹ phụ cấp) đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Triệu đồng	
7	Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao (%)	%	
8	Chi thu nhập tăng thêm (nghìn đồng)	1.000 đồng	
9	Chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn (nghìn đồng)	1.000 đồng	
10	Trích Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (triệu đồng)	Triệu đồng	
IV	KẾT QUẢ THU NHẬP TĂNG THÊM		
1	Hệ số tăng thu nhập		
-	Hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần		
-	Hệ số tăng thu nhập từ 0,1 lần đến dưới 0,2 lần		
-	Hệ số tăng thu nhập từ 0,2 lần đến dưới 0,3 lần		
-	Hệ số tăng thu nhập từ 0,3 lần đến dưới 0,4 lần		
-	Hệ số tăng thu nhập từ 0,4 lần đến dưới 0,5 lần		
-	Hệ số tăng thu nhập từ 0,5 lần đến dưới 1 lần		
2	Mức thu nhập tăng thêm bình quân/người/tháng (nghìn đồng)	1.000 đồng	
3	Mức thu nhập tăng thêm cao nhất/người/tháng (nghìn đồng)	1.000 đồng	
-	Cơ quan cấp huyện	1.000 đồng	
-	Cơ quan cấp xã, phường, thị trấn	1.000 đồng	
4	Mức thu nhập tăng thêm thấp nhất/người/tháng (nghìn đồng)	1.000 đồng	
-	Cơ quan cấp huyện	1.000 đồng	
-	Cơ quan cấp xã, phường, thị trấn	1.000 đồng	

ĐƠN VỊ

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ
ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH
SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ**

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?).
- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.
- ...

II/ Đánh giá cụ thể:

1. Kinh phí quản lý hành chính được giao: (tổng số)

Trong đó:

* Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ :.....đồng, trong đó:

- Số kinh phí thực hiện:.....đồng

- Số kinh phí tiết kiệm được:.....đồng

Trong đó:

+ Tiết kiệm chi quỹ lương:

+ Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương): ...

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế (Tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc...); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo; số phòng, ban hiện có; số phòng, ban giảm...).

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước...

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:..... %

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ đồng

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần báo cáo đánh giá theo một số nội dung:

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện: Đánh giá theo từng nhiệm vụ (dự toán giao; khối lượng, chất lượng công việc thực hiện);

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong: Tên nhiệm vụ, dự toán đã giao, số chưa thực hiện, lý do chưa thực hiện.

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

2/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ công chức và người lao động:..... đ/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:..... lần/tháng.

+ Người có thu nhập tăng thêm cao nhất đ/tháng

+ Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất đ/tháng

- Trích Quỹ và các khoản chi khác: đồng

+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập

+ Chi khen thưởng

+ Chi phúc lợi

+ Các khoản chi khác

3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

- ...

- ...

4/ Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

Người	lập	báo	cáo	...	ngày...	tháng...	năm...
(Ký tên)				THỦ	TRƯỞNG	ĐƠN	VỊ
				(Ký tên đóng dấu)			

Tên đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 43/2006/NĐ-CP NGÀY 25/4/2006 CỦA CHÍNH PHỦ

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp III báo cáo đơn vị dự toán cấp trên)

I. Đánh giá chung:

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Khối lượng công việc hoàn thành trong năm;
- Chất lượng các công việc đã hoàn thành được duyệt hoặc chấp nhận;
- Thời hạn hoàn thành công việc;
- Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính;
- Thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp đặc thù của đơn vị.

2. Về tổ chức bộ máy:

3. Về thực hiện các chỉ tiêu về tài chính, gồm:

- Về mức thu sự nghiệp:
- Các khoản phí, lệ phí: thu theo quyết định số...
- Các khoản thu do đơn vị tự quyết định: nêu cụ thể
- Thực hiện chính sách miễn giảm theo quy định: nêu cụ thể

II. Đánh giá cụ thể:

1. Về biên chế:

- Tổng số biên chế đầu năm..... người
- Số lao động có mặt..... người

2. Về tổ chức bộ máy:

- Số Phòng, Ban, Trung tâm trực thuộc hiện có đầu năm báo cáo:.....
- Số Phòng, Ban, Trung tâm trực thuộc hiện có cuối năm báo cáo:.....

3. Về kinh phí:

a) Kinh phí chi hoạt động: Trong đó:

- Kinh phí giao ổn định (đối với đơn vị SN tự bảo đảm một phần chi phí; đơn vị SN do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động)..... đồng, trong đó:
 - + Số kinh phí thực hiện:..... đồng

- + Số kinh phí tiết kiệm được:..... đồng
- + Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:.....%
- Kinh phí không thực hiện tự chủ..... đồng

b) Thu sự nghiệp:

- Dự toán giao:
- Số thực hiện:

c) Chênh lệch thu chi thường xuyên:

d) Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm và chênh lệch thu chi:

- Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp
- Trích lập quỹ ổn định thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi
- Tổng thu nhập tăng thêm của người lao động:..... đồng

Trong đó:

- + Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động:.....đ/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:..... lần.
- + Người có thu nhập tăng thêm cao nhất:.....đ/tháng
- + Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất:.....đ/tháng

5. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

Người lập báo cáo

(Ký tên)

... Ngày..... tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên đóng dấu)

BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC
NĂM 2020

[illegible]

Cơ quan quản lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đơn vị: ...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC NĂM...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp III báo cáo đơn vị dự toán cấp trên)

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể**1. Về nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:**

a) Về tổ chức bộ máy:

Số phòng, ban, trung tâm trực thuộc của đơn vị; số tăng, giảm (nếu có); tình hình sắp xếp bộ máy của đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm:... người (trong đó: số cán bộ, viên chức...người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên... người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm:.... người (chi tiết như trên).

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của đơn vị; tình hình tinh giản cán bộ, viên chức.

Về thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý (nếu có).

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính...

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN, đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận...

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí.
- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị... theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về mức thu sự nghiệp, thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Các khoản thu phí, lệ phí: thu theo quyết định số...
- Các khoản thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: nêu cụ thể.
- Khoản thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN: tên dịch vụ sự nghiệp công, số lượng, khối lượng, đơn giá...
- Thu khác (nếu có).

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu (chi tiết theo từng nguồn thu)
 - + Dự toán thu:.... triệu đồng (kê chi tiết theo từng nguồn thu: Hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác; nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu phí để lại chi thường xuyên; nguồn NSNN cấp chi thường xuyên theo số lượng người làm việc...)
 - + Số thực hiện:.... triệu đồng (kê chi tiết theo từng nguồn thu nêu trên).
- Chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn)
 - + Dự toán chi... triệu đồng
 - + Số thực hiện....triệu đồng (bao gồm cả nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác nếu có).

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): triệu đồng, trong đó chi tiết từng quỹ.

Tình hình sử dụng các quỹ (chi tiết theo từng quỹ): Số dư đầu năm... triệu đồng; số trích trong năm... triệu đồng; số chi quỹ trong năm... triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau... triệu đồng.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị:triệu đồng
- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị:... triệu đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:... lần; trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: ... triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất:... triệu đồng/tháng.

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng (chi tiết theo từng khoản vay): Số vốn vay... triệu đồng; số đã trả nợ vay.... triệu đồng; mục đích vay vốn.

- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị (chi tiết theo từng khoản huy động vốn): Số vốn huy động... triệu đồng; số đã trả nợ vay... triệu đồng; mục đích huy động vốn.

- Giải pháp, phương án tài chính vay vốn, huy động vốn; trả nợ vay, trả nợ tiền huy động vốn; đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động...

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn).

6. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

7. Đề xuất, kiến nghị.

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo).

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký tên)

... Ngày... tháng... năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

